**Phụ lục 3**

**BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU**

**Đề án 3 “Tiếp nhận, xác minh, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán”**

**giai đoạn 2016-2020**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Năm 2016** | **Năm 2017** | **Năm 2018** | **Năm 2019** | **Năm 2020[[1]](#footnote-1)** | **Tổng giai đoạn 2016-2020** |
| **I.** | **THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH** |  |  |  |  |  |  |  |
| **1.** | **Tổng số người được tiếp nhận, xác minh** | *Người* |  |  |  |  |  |  |
| **2.** | **Tổng số người được xác định là nạn nhân** | *Người* |  |  |  |  |  |  |
| *a.* | *Giới tính, độ tuổi* |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Nam | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  |  *+ Dưới 18 tuổi* | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  |  *+ Dưới 16 tuổi* | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  | - Nữ | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  |  *+ Dưới 18 tuổi* | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  |  *+ Dưới 16 tuổi* | *Người* |  |  |  |  |  |  |
| *b.* | *Dân tộc* |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Kinh | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  | - Dân tộc khác | *Người* |  |  |  |  |  |  |
| c. | *Người nước ngoài* | *Người* |  |  |  |  |  |  |
| *d.* | *Hình thức mua bán* |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Bị mua bán trong nước | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  | - Bị mua bán ra nước ngoài | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  | + Trung Quốc | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  | + Lào | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  | + Campuchia | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  | + Thái Lan | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  | + Malaysia | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  | + Anh | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  | + Nga | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  | + Các nước khác | *Người* |  |  |  |  |  |  |
| *e.* | *Hình thức tiếp nhận* |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Tự trở về | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  | - Được giải cứu | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  | - Trao trả song phương | *Người* |  |  |  |  |  |  |
| **3.** | **Số nạn nhân, người thân thích của họ được bảo vệ theo quy định của pháp luật** | *Người* |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **KẾT QUẢ CÔNG TÁC** |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** | **Văn bản chỉ đạo, điều hành** | *Văn bản* |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Các hoạt động truyền thông**  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Số buổi truyền thông về mua bán người | *Buổi* |  |  |  |  |  |  |
|  | - Số người tham gia các buổi truyền thông  | *Lượt người* |  |  |  |  |  |  |
|  | Số pano, áp phích, tờ rơi về mua bán người:- số pano;- số áp phích;- số tờ rơi. | *Pano**áp phích tờ rơi* |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác hỗ trợ nạn nhân** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Số cuộc tập huấn | *Cuộc* |  |  |  |  |  |  |
|  | Số người được tập huấn | *Lượt người* |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Kết quả công tác hỗ trợ nạn nhân** |  |  |  |  |  |  |  |
| 4.1 | Tổng số nạn nhân được hỗ trợ  | *Người* |  |  |  |  |  |  |
| 4.2 | Số người được hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại | *Người*  |  |  |  |  |  |  |
| 4.3 |  Số nạn nhân có nhu cầu vào lưu trú tạm thời tại cơ sở trợ giúp xã hội/cơ sở hỗ trợ nạn nhân | *Người* |  |  |  |  |  |  |
| *a.* | *Giới tính, độ tuổi* | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  | - Nam | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  |  *+ Dưới 18 tuổi* | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  |  *+ Dưới 16 tuổi* | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  | - Nữ |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  *+ Dưới 18 tuổi* | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  |  *+ Dưới 16 tuổi* | *Người* |  |  |  |  |  |  |
| *b.* | *Được hưởng các dịch vụ hỗ trợ trong thời gian tại cơ sở trợ giúp xã hội/cơ sở hỗ trợ nạn nhân* |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Nhu cầu thiết yếu | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  | - Chăm sóc y tế | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  | - Tư vấn tâm lý | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  | - Trợ giúp pháp lý | *Người* |  |  |  |  |  |  |
| 4.4. | Số nạn nhân được hỗ trợ hòa nhập cộng đồng | Người |  |  |  |  |  |  |
|  | a. Trợ giúp pháp lý | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  | b. Hỗ trợ học văn hóa | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  | c. Hỗ trợ học nghề | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  | d. Hỗ trợ tìm việc làm | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  | e. Hỗ trợ vay vốn | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  | *Tổng số tiền* | *Triệu đồng* |  |  |  |  |  |  |
|  | g. Trợ cấp khó khăn ban đầu | *Người* |  |  |  |  |  |  |
|  | *Tổng số tiền* | *Triệu đồng* |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu**(Ký, ghi rõ họ tên) | **Thủ trưởng đơn vị**(Ký, ghi rõ họ tên) |

1. Năm 2020 (số liệu tính đến 31/7/2020) [↑](#footnote-ref-1)